

Số: 74 /QĐ-SYT

Đồng Tháp, ngày 22 tháng 01 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật chuyên môn được thực hiện tại Trung Tâm Y tế huyện Châu Thành

### GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ ĐỒNG THÁP

Căn cứ Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 09 tháng 03 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT, ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Bộ Y tế, Thông tư Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Thông tư số 50/2014/TT-BYT, ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Bộ Y tế về việc Quy định việc phân loại phẫu thuật, thủ thuật và định mức nhân lực trong từng ca phẫu thuật, thủ thuật; Thông tư số 21/2017/TT-BYT, ngày 10 tháng 05 năm 2017 của Bộ Y tế về việc sửa đổi bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh ban hành kèm thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Xét Đơn đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động do bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn của Trung tâm Y tế huyện Châu Thành;

Căn cứ Biên bản thẩm định ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Đoàn thẩm định Sở Y tế về việc cấp, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tại Trung tâm Y tế huyện Châu Thành;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y Sở Y tế.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật chuyên môn trong khám bệnh, chữa bệnh được triển khai thực hiện tại Trung tâm Y tế huyện Châu Thành, gồm: 116 kỹ thuật, trong đó 115 kỹ thuật đúng tuyến và 01 kỹ thuật vượt tuyến (phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh được phê duyệt là cơ sở pháp lý cho việc thực hiện kỹ thuật, thanh toán viện phí, bảo hiểm y tế và đề đơn vị phân đấu phát triển chuyên môn kỹ thuật.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Sở Y tế, Chánh Thanh tra Sở Y tế, Trưởng phòng Nghiệp vụ Y Sở Y tế, Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Châu Thành chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- BHXH Tỉnh;
- TTKSTTHC&PVHCC;
- Lưu: VT, NVY.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Tạ Tùng Lâm**

**DANH MỤC KỸ THUẬT**  
**Được thực hiện tại Trung tâm Y tế huyện Châu Thành**  
*(Kèm theo Quyết định số: 74 /QĐ-SYT ngày 22/01/2024 của Sở Y tế)*

1. Danh mục kỹ thuật đúng tuyến: 115 kỹ thuật

STT	TT theo TT 21	TT theo TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
	1			3			
				A	B	C	D
			<b>III. NHI KHOA</b>				
			<b>X. RĂNG HÀM MẶT</b>				
			<b>A. RĂNG</b>				
1		1914.	Nhỏ răng vĩnh viễn lung lay	x	x	x	
2		1915.	Nhỏ chân răng vĩnh viễn	x	x	x	
3		1916.	Nhỏ răng thừa	x	x	x	
4		1917.	Nhỏ răng vĩnh viễn	x	x	x	
5		1918.	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới	x	x	x	
6		1919.	Nhỏ răng vĩnh viễn lung lay	x	x	x	
7		1920.	Nhỏ chân răng vĩnh viễn	x	x	x	
8		1921.	Nhỏ răng thừa	x	x	x	
9		1922.	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC)	x	x	x	
10		1927.	Điều trị viêm quanh thân răng cấp	x	x	x	
11		1929.	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite	x	x	x	
12		1930.	Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement (GIC)	x	x	x	
13		1931.	Phục hồi cổ răng bằng Composite	x	x	x	
14		1937.	Trám bít hố rãnh với GlassIonomer Cement (GIC) hoá trùng hợp	x	x	x	
15		1940.	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp	x	x	x	
16		1941.	Phòng ngừa sâu răng với thuốc bôi bề mặt	x	x	x	
17		1942.	Điều trị răng sữa viêm tuỷ có hồi phục	x	x	x	
18		1943.	Lấy tuỷ buồng răng sữa	x	x	x	
19		1944.	Điều trị tuỷ răng sữa	x	x	x	
20		1950.	Hàn răng không sang chấn với GlassIonomer Cement (GIC)	x	x	x	x

21		1952.	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Composite	x	x	x	x
22		1953.	Trám bít hố rãnh bằng GlassIonomer Cement (GIC)	x	x	x	x
23		1954.	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC)	x	x	x	x
24		1955.	Nhỏ răng sữa	x	x	x	x
25		1956.	Nhỏ chân răng sữa	x	x	x	x
26		1972.	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC)	x	x	x	x
27		1974.	Lấy cao răng 2 hàm (Các kỹ thuật)	x	x	x	x
<b>XIV. MẮT</b>							
28		161.	Tập nhược thị	x	x	x	
29		197.	Bơm thông lệ đạo	x	x	x	
30		200.	Lấy dị vật kết mạc	x	x	x	x
31		202.	Lấy Calci kết mạc	x	x	x	x
32		206.	Bơm rửa lệ đạo	x	x	x	x
33		207.	Chích chắp, lẹo, nang lông mi; chích áp xe mi, kết mạc	x	x	x	x
34		210.	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi	x	x	x	x
35		211.	Rửa cùng đồ	x	x	x	x
36		213.	Bóc sợi giác mạc (Viêm giác mạc sợi)	x	x	x	
37		214.	Bóc giả mạc	x	x	x	
38		215.	Rạch áp xe mi	x	x	x	
39		216.	Rạch áp xe túi lệ	x	x	x	
40		250.	Test thử cảm giác giác mạc	x	x	x	
41		251.	Test phát hiện khô mắt	x	x	x	
42		252.	Nghiệm pháp phát hiện glôcôm	x	x	x	
<b>XVII. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG</b>							
			<b>A. VẬT LÝ TRỊ LIỆU (nhân viên y tế trực tiếp điều trị cho người bệnh)</b>				
43		11.	Điều trị bằng tia hồng ngoại	x	x	x	x
44		16.	Điều trị bằng nhiệt nóng (chườm nóng)	x	x	x	x
			<b>B. VẬN ĐỘNG TRỊ LIỆU (nhân viên y tế trực tiếp tập hoặc hướng dẫn người bệnh)</b>				
45		31.	Tập nằm đúng tư thế cho người bệnh liệt nửa người	x	x	x	x
46		32.	Kỹ thuật đặt tư thế đúng cho người bệnh liệt tủy	x	x	x	x

47		33.	Kỹ thuật tập tay và bàn tay cho người bệnh liệt nửa người	x	x	x	x
48		34.	Kỹ thuật tập đứng và đi cho người bệnh liệt nửa người	x	x	x	x
49		35.	Tập lăn trở khi nằm	x	x	x	x
50		36.	Tập thay đổi tư thế từ nằm sang ngồi	x	x	x	x
51		37.	Tập ngồi thẳng bằng tĩnh và động	x	x	x	x
52		38.	Tập thay đổi tư thế từ ngồi sang đứng	x	x	x	x
53		39.	Tập đứng thẳng bằng tĩnh và động	x	x	x	x
54		40.	Tập dáng đi	x	x	x	x
55		41.	Tập đi với thanh song song	x	x	x	x
56		42.	Tập đi với khung tập đi	x	x	x	x
57		43.	Tập đi với nạng (nạng nách, nạng khuỷu)	x	x	x	x
58		44.	Tập đi với gậy	x	x	x	x
59		47.	Tập lên, xuống cầu thang	x	x	x	x
60		52.	Tập vận động thụ động	x	x	x	x
61		53.	Tập vận động có trợ giúp	x	x	x	x
62		54.	Tập vận động chủ động	x	x	x	x
63		55.	Tập vận động tự do tứ chi	x	x	x	x
64		56.	Tập vận động có kháng trở	x	x	x	x
65		57.	Tập kéo dẫn	x	x	x	x
66		58.	Tập vận động trên bóng	x	x	x	
67		65.	Tập với ròng rọc	x	x	x	x
68		66.	Tập với dụng cụ quay khớp vai	x	x	x	x
69		71.	Tập với xe đạp tập	x	x	x	x
70		72.	Tập với bàn nghiêng	x	x	x	x
71		73.	Tập các kiểu thở	x	x	x	x
72		74.	Tập thở bằng dụng cụ (bóng, spirometer...)	x	x	x	x
73		75.	Tập ho có trợ giúp	x	x	x	x
74		76.	Kỹ thuật vỗ rung lồng ngực	x	x	x	x
75		77.	Kỹ thuật dẫn lưu tư thế	x	x	x	x
76		82.	Kỹ thuật ức chế co cứng tay	x	x	x	x
77		83.	Kỹ thuật ức chế co cứng chân	x	x	x	x
78		84.	Kỹ thuật ức chế co cứng thân mình	x	x	x	x
79		85.	Kỹ thuật xoa bóp vùng	x	x	x	x

80		86.	Kỹ thuật xoa bóp toàn thân	x	x	x	
81		88.	Kỹ thuật ức chế và phá vỡ các phản xạ bệnh lý	x	x	x	x
82		89.	Kỹ thuật kiểm soát đầu, cổ và thân mình	x	x	x	x
83		90.	Tập điều hợp vận động	x	x	x	x
84		91.	Tập mạnh cơ đáy chậu (cơ sàn chậu, Pelvis floor)	x	x	x	x
			<b>C. HOẠT ĐỘNG TRỊ LIỆU (nhân viên y tế trực tiếp tập hoặc hướng dẫn người bệnh)</b>				
85		92.	Kỹ thuật tập sử dụng và điều khiển xe lăn	x	x	x	x
86		93.	Kỹ thuật hướng dẫn người liệt hai chân ra vào xe lăn	x	x	x	x
87		94.	Kỹ thuật hướng dẫn người liệt nửa người ra vào xe lăn	x	x	x	x
88		95.	Tập các vận động thô của bàn tay	x	x	x	x
89		96.	Tập các vận động khéo léo của bàn tay	x	x	x	x
90		97.	Tập phối hợp hai tay	x	x	x	x
91		98.	Tập phối hợp tay mắt	x	x	x	x
92		99.	Tập phối hợp tay miệng	x	x	x	x
93		100.	Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày (ADL) (ăn uống, tắm rửa, vệ sinh, vui chơi giải trí...)	x	x	x	x
94		101.	Tập điều hòa cảm giác	x	x	x	x
95		102.	Tập tri giác và nhận thức	x	x	x	x
			<b>H. VẬN ĐỘNG TRỊ LIỆU (nhân viên y tế trực tiếp tập hoặc hướng dẫn người bệnh tập)</b>				
96	167.		Tập vận động cột sống	x	x	x	
97	168.		Kỹ thuật xoa bóp bằng máy	x	x	x	x
98	169.		Kỹ thuật xoa bóp dẫn lưu	x	x	x	x
99	170.		Kỹ thuật kiểm soát tư thế (ngồi, bò, đứng, đi)	x	x	x	x
100	172.		Tập dưỡng sinh	x	x	x	x
101	176.		Kỹ thuật tập vận động cho trẻ xơ hóa cơ	x	x	x	
102	177.		Kỹ thuật tập vận động cho trẻ bị biến dạng cột sống (cong vẹo, gù, uốn)	x	x	x	x
103	178.		Kỹ thuật hỗ trợ tăng tốc thì thở ra ở trẻ nhỏ	x	x	x	x
104	180.		Kỹ thuật kiểm soát tư thế hội chứng sợ sau ngã	x	x	x	
105	181.		Kỹ thuật ngồi, đứng dậy từ sàn nhà	x	x	x	
106	184.		Kỹ thuật thư giãn	x	x	x	x
			<b>N. CÁC KỸ THUẬT KHÁC ( TTLT37)</b>				

107	249.		Kéo nắn, kéo dẫn cột sống, các khớp	x	x	x	
108	250.		Tập do cứng khớp	x	x	x	x
109	251.		Tập vận động với các dụng cụ trợ giúp	x	x	x	x
110	252.		Xoa bóp áp lực hơi	x	x	x	x
<b>XXIII. HOÁ SINH</b>							
<b>E. DỊCH CHỌC DỒ ( Dịch màng bụng, màng phổi, màng tim...)</b>							
111		217.	Định lượng Glucose	x	x	x	
112		219.	Định lượng Protein	x	x	x	
113		220.	Phản ứng Rivalta	x	x	x	
<b>XXIV. VI SINH</b>							
<b>A. VI KHUẨN</b>							
<b>2. Mycobacteria</b>							
114		21.	<i>Mycobacterium tuberculosis</i> Mantoux	x	x	x	x
115		28.	<i>Mycobacterium tuberculosis</i> định danh và kháng RMP Xpert	x	x	x	

2. Danh mục kỹ thuật vượt tuyển: 01 kỹ thuật

STT	TT theo TT 21	TT theo TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT					
	1			2		A	B	C	D
						3			
<b>III. NHI KHOA</b>									
<b>X. RĂNG HÀM MẶT</b>									
<b>A. RĂNG</b>									
1		1858	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội.	x	x				